TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 17/01/2022
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Tấn Nghị

2. Ông Lê Văn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-DS ngày 17/5/2021 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N
Địa chỉ: Số 02 L, Phường T, Quận B, TP Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978; Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2021 của Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1974; bà Trịnh Thị L , sinh năm 1975;
Địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bùi Thị Th, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/11/2017, hộ ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L do ông T đại diện vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên theo Hợp đồng tín dụng số 4610LAV201700/HDTD số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để trồng và chăm sóc tiêu, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ngân hàng đã đòi nhiều lần. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/01/2022 là 79.277.000 đồng.

* Bị đơn ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời trình bày.

* Người làm chứng Bùi Thị Th vắng mặt nhưng có lời trình bày: Chị là con gái của ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L. Năm 2017 chị có biết ba mẹ là ông T, bà L vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T số tiền 200.000.00 đồng để trồng tiêu. Nhưng vì tiêu bị dịch bệnh mất mùa nên ông T bà L chưa trả được nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 351, 352, 357, 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000đ và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Bị đơn còn phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày Tòa tuyên án đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu tại huyện Tây Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của TAND huyện T theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 4610LAV201700/HDTD ngày 02/11/2017 và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ khẳng định: Bị đơn Bùi Ngọc T, Trịnh Thị L có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn còn nợ tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/01/2022 là 79.277.000 đồng mặc dù ngân hàng đã đòi nhiều lần vi phạm khoản 2 Điều 9 của hợp đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền vay gốc và lãi là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn trả xong nợ là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền gốc: 200.000.000đồng và tiền lãi 79.277.000 đồng, tổng cộng 279.277.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/01/2022), bị đơn còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Bùi Ngọc T, bà Trịnh Thị L phải chịu 13.963.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng N 6.610.000đ *(Sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp theo Biên lai thu tiền số 002354 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền